

Bản án số: 10/2020/DS- ST

Ngày: 30/9/2020

V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cúc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Văn Kiên

2. Ông Quách Hà Vĩnh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Hùng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa

Ngày 30/9/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 19/2020/TLST- DS, ngày 01 tháng 7 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2020/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 06/2020/QĐST - DS ngày 14/9/2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP S (Sacombank).

Địa chỉ: 266-268 N, Phường 8, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh.

Đại diện: Bà Nguyễn Đức Thạch D - Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người được ủy quyền: Ông Nguyễn Huy P – Chức vụ: Giám đốc chi nhánh Thanh Hóa.

Địa chỉ: 126, 128, 130 N, Phường B, Thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện theo ủy quyền của ông P:

Ông Mai Lê M; Sinh năm: 1989

Chức vụ: Phó phòng giao dịch B.

Địa chỉ: Số 69 N, Khu phố 2, Phường N, Thị xã B, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt

2. *Bị đơn:* Bà Phạm Thị H; Sinh năm: 1975

Địa chỉ: Khu phố L, Thị trấn V, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 17/6/2020 và trong bản tự khai ngày 14/7/2020, đại diện nguyên đơn trình bày:

Ngày 20/09/2016 Ngân hàng TMCP S(Sacombank) ký Hợp đồng tín dụng dư nợ giảm dần số LD1626400991 với bà Phạm Thị H. Tổng mức tín dụng được cấp là 100. 000. 000 đồng (*Một trăm triệu đồng*), mục đích vay tiêu dùng. Lãi suất 03 tháng đầu tiên là 13%/ năm, lãi suất này chỉ áp dụng cho lần giải ngân đầu tiên, các lần giải ngân sau (nếu có), lãi suất do Sacombank xác định tại thời điểm giải ngân và được ghi cụ thể trên từng Giấy nhận nợ (theo mẫu của Sacombank). Tại thời điểm bắt đầu tháng thứ 4 trở đi kể từ ngày ký hợp đồng này, lãi suất của toàn bộ dư nợ vay sẽ được Sacombank điều chỉnh theo định kỳ 01 tháng/lần và bằng lãi

suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân VND kỳ hạn 13 tháng trả lãi cuối kỳ có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ cố định 5.5%/năm. Sacombank được quyền tự động xác định định kỳ điều chỉnh lãi suất và mức lãi suất cho vay tại thời điểm điều chỉnh. Thời hạn vay là 48 tháng, phương thức trả nợ gốc và lãi được chia thành nhiều kỳ trả nợ, như sau: Số kỳ trả nợ là 48 kỳ, mỗi kỳ là một tháng, kỳ trả nợ đầu tiên vào ngày 15/10/2016, các kỳ trả nợ tiếp theo vào ngày 15 hàng tháng, kỳ cuối cùng sẽ được trả vào ngày đáo hạn quy định tại Hợp đồng này, số tiền gốc trả mỗi kỳ là 2.083.000 đồng, số tiền gốc trả kỳ cuối là 2.099.000 đồng. Sau đó Ngân hàng TMCP S đã giải ngân số tiền 100,000,000 đồng (*Một trăm triệu đồng chẵn*) cho bà Phạm Thị H.

Thời gian đầu bà Phạm Thị H thực hiện nghĩa vụ thanh toán của mình tương đối đều đặn, số tiền gốc bà H đã trả cho Sacombank là 58.324.000đ và tiền lãi là 46.630.348đ. Kể từ ngày 15/02/2019 bà H đã không thanh toán nợ vay đúng hạn cho Sacombank, vi phạm lịch trả nợ trên hợp đồng tín dụng và các văn bản đã ký. Trong thời gian bà Phạm Thị H quá hạn, Sacombank đã nhiều lần làm việc với Nhà trường và gia đình bà H; Tuy nhiên đến thời điểm hiện tại khách hàng vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Sacombank và có biểu hiện chây ỳ, vi phạm điều 10 “Phương thức trả nợ, trả nợ trước hạn” và điều 12 “Kỳ trả lãi” của Hợp đồng tín dụng. Căn cứ mục (i) điều 6 của Phụ lục các điều khoản chung của Hợp đồng tín dụng với nội dung “vào bất kỳ thời điểm nào, Sacombank có quyền khởi kiện Bên được cấp tín dụng khi Bên được cấp tín dụng không trả được một phần hoặc toàn bộ nợ vay (bao gồm nợ gốc, lãi và chi phí có liên quan) và/hoặc Bên được cấp tín dụng vi phạm bất kỳ cam kết nào liên quan đến Hợp đồng này”.

Nay Ngân hàng TMCP S đề nghị Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành buộc bà Phạm Thị H phải trả cho Ngân hàng toàn bộ số tiền mà bà H vay tại Ngân hàng tạm tính đến ngày 05/05/2020 bao gồm: Nợ gốc còn lại là 41.676.000đ; lãi trong hợp đồng là 4.482.193 đ; lãi quá hạn 678.964 đ. Tổng cộng: 46. 837.157 đ (*Bốn mươi sáu triệu tám trăm ba mươi bảy nghìn một trăm năm mươi bảy đồng*) và lãi phát sinh cho đến khi xét xử và tất toán khoản nợ theo lãi suất đã thỏa thuận.

Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và xác định số tiền bà Phạm Thị H đã thanh toán thêm cho Ngân hàng đến ngày xét xử là 20.000.000đ tiền gốc. Vì vậy đến thời điểm Tòa án xét xử sơ thẩm (30/9/2020) số tiền mà bà H phải thanh toán cho Ngân hàng là 33.105.795đ. Trong đó nợ gốc là 21.676.000đ, lãi trong hạn hợp đồng là 4.840.077đ và lãi quá hạn là 6.589.717đ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án và triệu tập bà H để nộp bản tự khai nhưng bà H không có mặt, do đó trong hồ sơ vụ án không có lời khai của bà H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1]. Về tố tụng: Ngân hàng TMCP S và bà Phạm Thị H đang tranh chấp về “Hợp đồng tín dụng” do bà H vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Theo khoản 3 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS) thì đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn là bà Phạm Thị H có đăng ký hộ khẩu thường

trú tại khu phố L, thị trấn V, huyện T, tỉnh Thanh Hóa nên thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành.

[2]. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ lần thứ hai nhưng bà Phạm Thị H vắng mặt nên Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ mặt bà H và đã thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho bà H theo quy định tại khoản 3 Điều 210 BLTTDS.

[3]. Tòa án cũng đã triệu tập họp họp lệ bà H đến phiên hoà giải hai lần nhưng bà H đều không đến để tham gia hoà giải nên Toà án không tiến hành hoà giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 BLTTDS.

[4]. Tại phiên tòa, bà H vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên căn cứ quy định tại Điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 BLTTDS, Toà án xét xử vắng mặt bà H.

[5]. Về hình thức của hợp đồng:

Theo hợp đồng tín dụng số LD1626400991 ngày 20/9/2016 mà đại diện nguyên đơn cung cấp cho Tòa án, việc ký kết hợp đồng giữa bà Phạm Thị H và Ngân hàng TMCP S được xác lập trên cơ sở tự nguyện của các bên, đảm bảo điều kiện về chủ thể tham gia giao kết hợp đồng, phần cuối hợp đồng có chữ ký của người vay tiền là bà Phạm Thị H và có chữ ký và đóng dấu của bên phía Ngân hàng. Nội dung của hợp đồng không vi pháp pháp luật và không trái đạo đức xã hội, là hợp đồng hợp pháp.

[6]. Về số tiền nợ và nghĩa vụ trả nợ và tiền lãi:

Trong hợp đồng tín dụng số LD1626400991 ngày 20/9/2016 bà Phạm Thị H có vay của Ngân hàng Sacombank số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng). Lãi suất 03 tháng đầu tiên là 13%/ năm và chỉ áp dụng cho lần giải ngân đầu tiên, các lần giải ngân sau (nếu có), lãi suất do Ngân hàng xác định tại thời điểm giải ngân và được ghi cụ thể trên từng Giấy nhận nợ (theo mẫu của Ngân hàng). Tại thời điểm bắt đầu tháng thứ 4 trở đi kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất của toàn bộ dư nợ vay sẽ được Ngân hàng điều chỉnh theo định kỳ 01 tháng/lần và bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân VND kỳ hạn 13 tháng trả lãi cuối kỳ có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ cố định 5.5%/năm. Thời hạn vay là 48 tháng, số tiền gốc và lãi sẽ được trả làm 48 kỳ. Kỳ trả nợ đầu tiên vào ngày 15/10/2016, các kỳ trả nợ tiếp theo vào ngày 15 hàng tháng. Kỳ cuối cùng sẽ được trả vào ngày đáo hạn quy định tại Hợp đồng này. Số tiền gốc trả mỗi kỳ là 2.083.000 đồng. Số tiền gốc trả kỳ cuối là 2,099,000 đồng.

Tại Điều 6 trong phụ lục của hợp đồng mà các bên đã ký kết “*vào bất cứ thời điểm nào, Ngân hàng có quyền khởi kiện nếu người vay không trả được một phần hoặc toàn bộ nợ vay (bao gồm nợ gốc, lãi và chi phí có liên quan)*”. Trong sổ giao dịch giữa bà Hà và Ngân hàng mà phía nguyên đơn cung cấp cho Tòa án đã thể hiện bà H chỉ trả nợ cho Ngân hàng đến tháng 02/2019. Như vậy phía nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bà H phải có nghĩa vụ trả nợ toàn bộ số tiền gốc còn lại và lãi phát sinh là có căn cứ. Cũng trong sổ giao dịch nói trên thể hiện bà H đã trả cho

phía Ngân hàng số tiền gốc là 78.324.000đ. Như vậy, phía nguyên đơn yêu cầu bà H phải thanh toán số tiền gốc còn lại là 21.676.000đ và yêu cầu bà H phải trả lãi trong hạn hợp đồng là 4.840.077đ và lãi quá hạn là 6.589.717đ là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng 2010 và các Điều 357, 463, 466, 468 BLDS.

[7]. Về việc yêu cầu thanh toán tiền lãi quá hạn phát sinh trên nợ gốc từ sau ngày xét xử sơ thẩm 30/9/2020 cho đến khi bà H thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ:

Theo quy định tại khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán TAND tối cao và án lệ số 08/2016/AL được lựa chọn từ Quyết định Giám đốc thẩm số 12/2013/KDTM-GĐT ngày 16/5/2013 và được công bố theo Quyết định số 689/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao thì: *“Đối với các khoản tiền vay của tổ chức Ngân hàng, tín dụng, ngoài khoản tiền nợ gốc, lãi vay trong hạn, lãi vay quá hạn, phí mà khách hàng vay phải thanh toán cho bên cho vay theo hợp đồng tín dụng tính đến ngày xét xử sơ thẩm, thì kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay”*.

Như vậy thì kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 30/9/2020) bà H còn phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng khoản tiền lãi trong hạn và lãi quá hạn trên số nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất các bên đã ký kết trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong số nợ gốc. Lãi suất mà bà H phải thanh toán sẽ được điều chỉnh phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng.

[8] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí DSST theo quy định của pháp luật. Khoản này bằng 1.655.000đ, trả cho Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn:

Căn cứ các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng 2010; Điều 357, 463; Khoản 1 Điều 466, 468 Bộ luật dân sự 2015; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Điểm a, khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Buộc bà Phạm Thị H phải trả cho Ngân hàng TMCP S (Sacombank) tổng số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm (Ngày 30/9/2020) là 33.105.795đ (Ba mươi ba triệu một trăm linh năm ngàn bảy trăm chín lăm đồng). Trong đó nợ gốc là 21.676.000đ, lãi trong hạn hợp đồng là 4.840.077đ và lãi quá hạn là 6.589.717đ.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (Ngày 01/10/2020) cho đến khi thi hành án xong, bà Phạm Thị H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên đã ký kết trong hợp đồng tín dụng số LD1626400991 ngày 20/9/2016.

2. Về án phí: Bà Phạm Thị H phải chịu 1.655.000đ (Một triệu sáu trăm năm mươi lăm ngàn đồng) án phí DSST. Trả lại cho Ngân hàng TMCP S số tiền là 1.170.000đ (Một triệu một trăm bảy mươi nghìn đồng) tạm ứng án phí DSST đã nộp theo biên lai thu tiền số: AA/2018/0002802 ngày 01/7/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch Thành.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện TT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Cúc

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Các hội thẩm nhân dân

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Bùi Văn Kiên Quách Hà Vĩnh

Nguyễn Thị Cúc